

Bản án số: 67/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 25/9/2020

“V/v: Yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU, TỈNH GIA LAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Hồng*

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà **Lê Thị Thanh Cường**

2. Bà **Lê Thị Toan**.

*- Thư ký phiên tòa: bà Phạm Thị Ngọc Yến - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai*

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Ngọc Anh - Kiểm sát viên.*

Ngày 25 tháng 9 năm 2020, tại Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 361/2020/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2020, về tranh chấp: “Yêu cầu ly hôn và tranh chấp về nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Lê Thị Thiên T**, sinh năm 1991.

Địa chỉ: đường T, tổ 4, phường T, TP.P, tỉnh G, có mặt.

2. Bị đơn: Anh **Lâm Quốc H**, sinh năm 1984.

Địa chỉ: đường Phạm Văn Đ, tổ 13, phường T, TP.P, tỉnh G, vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện đề ngày 09/6/2020, bản tự khai và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là chị Lê Thị Thiên T trình bày:*

Tôi và anh Lâm Quốc H tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân; có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, TP.P, tỉnh G vào năm 2017. Quá trình chung sống vợ chồng chúng tôi sống hạnh phúc được thời gian đầu, khoảng thời gian sau này vợ chồng chúng tôi bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tôi và anh H bất đồng quan điểm sống, nên xảy ra nhiều mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng ngày càng cách xa dẫn đến việc chúng tôi đã ly thân từ năm 2019 cho đến nay, vợ chồng không còn quan tâm gì đến nhau, tình cảm không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, tôi yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Chị T yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Lâm Quốc H.  
- Về con chung: Anh chị có 01 con chung: Lâm Gia P, sinh ngày 02/02/2017. Ly hôn tôi có nguyện vọng tiếp tục được nuôi cháu P và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con cùng tôi.

- Về tài sản chung và nợ chung: chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Lâm Quốc H không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Thiên T.

*Ý kiến Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:*

\* Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án trong quá trình giải quyết vụ án thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn vắng mặt tại các phiên họp và phiên hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa.

\* Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Áp dụng khoản 1 Điều 56; các Điều 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Đề HDXX Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho chị Lê Thị Thiên T và anh Lâm Quốc H được ly hôn và giao con chung là cháu Lâm Gia P cho chị T tiếp tục chăm sóc giáo dục.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân thành phố Pleiku nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị Lê Thị Thiên T có đơn yêu cầu tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh Lâm Quốc H, cư trú tại: tổ 13, phường T, TP.P, tỉnh G. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố P thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Bị đơn là anh Lâm Quốc H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Lê Thị Thiên T và anh Lâm Quốc H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân phường T, TP.P, tỉnh G vào năm 2017, Giấy chứng nhận kết hôn số 05 ngày 20/01/2017, Vì vậy, quan hệ hôn nhân của chị T và anh H là hợp pháp.

Quá trình chung sống chị T cho rằng giữa vợ chồng anh chị đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, dẫn đến vợ chồng không hòa thuận, dẫn đến mâu thuẫn ngày càng lớn không thể hàn gắn được, hiện vợ chồng anh chị đã sống ly thân và không còn quan tâm gì đến nhau, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Theo biên bản xác minh ngày 18/6/2020 (Bút lục số 24) có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường T, TP. P, tỉnh G, do ông Nguyễn Xuân L, tổ trưởng tổ 13 cung cấp: “*Anh Lâm Quốc H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Phạm Văn Đ, tổ 3, phường T, TP.P, tỉnh G, về mâu thuẫn của anh chị địa phương không nắm rõ*”. Hơn nữa anh Lâm Quốc H cũng không có bất kỳ ý kiến gì khi chị Lê Thị Thiên T yêu cầu ly hôn với anh, mặc dù anh đã nhận các thông báo hợp lệ về việc chị Lê Thị Thiên T yêu cầu được ly hôn với anh, điều này chứng minh anh cũng đã bỏ mặc cuộc hôn nhân này và cũng không tha thiết gì đến việc hàn gắn. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Thiên T.

[3] Về con chung: Chị T và anh H có 01 con chung là cháu Lâm Gia P, sinh ngày 02/02/2017. Ly hôn chị T có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy yêu cầu của chị T là phù hợp, vì cháu Lâm Gia P hiện đang sống cùng với mẹ, vì vậy xét thấy nên giao cháu Lâm Gia P cho chị T tiếp tục chăm sóc giáo dục là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy Tòa án không đề cập đến.

[5] Về án phí: Chị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đồng.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Áp dụng khoản 1 Điều 56; các Điều 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Thiên T.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa Lê Thị Thiên T và anh Lâm Quốc H.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Lâm Gia P, sinh ngày 02/02/2017 cho chị Lê Thị Thiên T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con cho đến khi các con trưởng thành và tự lập được hoặc đã thành niên nhưng bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có tài sản để tự nuôi mình.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con.

Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật; Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

3. Về án phí: Chị Lê Thị Thiên T phải chịu 300.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000đồng theo biên lai số 0005115 ngày 10/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh G. Chị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- VKSND Tp. Pleiku;
  - Chi cục THADS Tp Pleiku;
  - TAND tỉnh Gia Lai;
  - UBND Phường Tây Sơn, TP.Pleiku, Gia Lai.
- (Giấy CNKH số 05 ngày 20/01/2017);
- Các đương sự;
  - Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Xuân Hồng**